| | |
|---|---|
| SỞ Y TẾ NGHỆ AN<br>**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 326 /QĐ-KSBT | *Nghệ An, ngày 15 tháng 09 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2026-2027 (đợt 2) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An**

## GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NGHỆ AN

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-KSBT ngày 11/9/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An về việc bố trí nguồn vốn thực hiện gói thầu: Mua sắm vắc xin*

*dịch vụ năm 2026-2027 (đợt 2) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An;*

Theo đề nghị của Tổ tư vấn mua sắm thuốc, vắc xin phục vụ hoạt động chuyên môn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An tại tờ trình số 1201/TTr-TTVMS ngày 14/9/2026 đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2026-2027 (đợt 2) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2026-2027 (đợt 2) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Giao Tổ chuyên gia đấu thầu thuốc, Tổ thẩm định đấu thầu thuốc, phòng Tài chính kế toán, Khoa Dược-VTYT, phòng Kế hoạch nghiệp vụ và các bộ phận, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
- Như điều 2;
- Ban giám đốc Trung tâm (để biết);
- Lưu: VT, Tổ TVMS thuốc, vắc xin

**GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH NGHỆ AN
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT T.NGHỆ AN

**Chu Trọng Trang**

**PHỤ LỤC 1**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Dự toán mua sắm: Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2026-2027 (đợt 2) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An**

*(Kèm theo Quyết định số 326/QĐ-KSBT ngày 15/09/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)*

| TT | Tên chủ đầu tư | Tên gói thầu | | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu | Tùy chọn mua thêm |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu | | | | | | | | | |
| 1 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An | Mua sắm vắc xin dịch vụ năm 2026-2027 (đợt 2) của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An | Mua sắm vắc xin dịch vụ phục vụ chuyên môn năm 2026-2027, trong đó mỗi mặt hàng là một phần của gói thầu | 1,879,268,600 đồng | Nguồn thu hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác năm 2026-2027 được bố trí tại quyết định số 318/QĐ-KSBT ngày 11/9/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An | Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn | | 30 ngày | Quý III năm 2026 | Hợp đồng theo đơn giá cố định | 24 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng | Không áp dụng |
| **Tổng giá gói thầu** | | | | 1,879,268,600 đồng<br>(Một tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm đồng) | | | | | | | | |

# PHỤ LỤC 2. DANH MỤC HÀNG HÓA

*(Kèm theo Quyết định số 326/QĐ-KSBT ngày 15/09/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An)*

| TT | Mã thuốc | Tên hoạt chất | Nhóm TCKT | Nồng độ hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng KH | Đơn giá KH | Thành tiền KH | Nguồn dịch vụ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Số lượng KH năm 2026 | Thành tiền KH năm 2026 | Số lượng KH năm 2026 | Thành tiền KH năm 2027 |
| 1 | TV.L2.08 | Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F | Nhóm 1 | Mỗi liều vắc-xin (0,5 ml) chứa 25mcg mỗi loại trong số 23 loại huyết thanh polysaccharide của phế cầu khuẩn Đan Mạch: 1, 2, 3, 4, 5, 6B, 7F, 8, 9N, 9V, 10A, 11A, 12F, 14, 15B, 17F, 18C, 19A, 19F, 20, 22F, 23F, 33F | Tiêm | Thuốc tiêm | Hộp/ Liều | 200 | 820,768 | 164,153,600 | 100 | 82,076,800 | 100 | 82,076,800 |
| 2 | TV.L2.10 | Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Switzerland/6849/2025, IVR-278) 15mcg HA; A/Singapore/GP20238/2024 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Singapore/GP20238/2024, IVR-277) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021- sử dụng chủng tương | Nhóm 1 | Mỗi liều 0,5ml vắc xin (dạng mảnh, bất hoạt): A/Missouri/11/2025 (H1N1)pdm09 - sử dụng chủng tương đương (A/Switzerland/6849/2025, IVR-278) 15mcg HA; A/Singapore/GP20238/2024 (H3N2) - sử dụng chủng tương đương (A/Singapore/GP20238/2024, IVR-277) 15mcg HA; B/Austria/1359417/2021- sử dụng chủng tương đương (B/Michigan/01/2021, | Tiêm | Thuốc tiêm | Hộp/ Liều | 2,000 | 270,000 | 540,000,000 | 700 | 189,000,000 | 1,300 | 351,000,000 |

| TT | Mã thuốc | Tên hoạt chất | Nhóm TCKT | Nồng độ hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng KH | Đơn giá KH | Thành tiền KH | Nguồn dịch vụ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Số lượng KH năm 2026 | Thành tiền KH năm 2026 | Số lượng KH năm 2026 | Thành tiền KH năm 2027 |
| | | đương (B/Michigan/01/2021, chủng hoang dã) 15mcg HA | | chủng hoang dã) 15mcg HA | | | | | | | | | | |
| 3 | TV.L2.11 | Kháng nguyên virus cúm Type A (H1N1); Kháng nguyên virus cúm Type A (H3N2); Kháng nguyên virus cúm Type B | Nhóm 2 | Mỗi liều 0.5 ml chứa: Kháng nguyên virus cúm Type A (H1N1) 15 µg Kháng nguyên virus cúm Type A (H3N2) 15 µg Kháng nguyên virus cúm Type B 15 µg | Tiêm | Thuốc tiêm | Hộp/ Liều | 2,000 | 259,140 | 518,280,000 | 700 | 181,398,000 | 1,300 | 336,882,000 |
| 4 | TV.L2.12 | A/Guangdong-Maonan/SWL1536/2019 (H1NA)pdm09-like strain (A/Guangdong-Maonan/SWL1536/2019, CNIC-1909); A/Hong Kong/2671/2019 (H3N2)-like strain (A/Hong Kong/2671/2019, IVR-208); B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) | Nhóm 1 | Mỗi 0,5 ml vắc xin chứa: A/Guangdong-Maonan/SWL1536/2019 (H1NA)pdm09-like strain (A/Guangdong-Maonan/SWL1536/2019, CNIC-1909) 15mcg heamagglutinin; A/Hong Kong/2671/2019 (H3N2)-like strain (A/Hong Kong/2671/2019, IVR-208) 15mcg heamagglutinin; B/Washington/02/2019-like strain (B/Washington/02/2019, wild type) 15mcg | Tiêm | Thuốc tiêm | Hộp/ Liều | 2,000 | 264,000 | 528,000,000 | 700 | 184,800,000 | 1,300 | 343,200,000 |

| TT | Mã thuốc | Tên hoạt chất | Nhóm TCKT | Nồng độ hàm lượng | Đường dùng | Dạng bào chế | Đơn vị tính | Số lượng KH | Đơn giá KH | Thành tiền KH | Nguồn dịch vụ | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | | Số lượng KH năm 2026 | Thành tiền KH năm 2026 | Số lượng KH năm 2026 | Thành tiền KH năm 2027 |
| | | | | heamagglutinin | | | | | | | | | | |
| 5 | TV.L2.15 | Polysaccharide polyribosylribitolphosphate (PRP) cộng hợp với giải độc tố uốn ván | Nhóm 5 | 10 mcg PRP cộng hợp với (20,8-31,25 mcg) giải độc tố uốn ván/0,5 ml | Tiêm | Thuốc tiêm | Lọ/ Liều | 200 | 197,925 | 39,585,000 | 100 | 19,792,500 | 100 | 19,792,500 |
| 6 | TV.L2.09 | kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: A/H1N1; chủng A/H3N2; chủng B | Nhóm 4 | Mỗi liều 0,5 ml chứa kháng nguyên bề mặt tinh chế virus cúm của các chủng: chủng A/H1N1: 15mcg HA; Chủng A/H3N2: 15mcg HA; Chủng B: 15mcg HA | Tiêm | Thuốc tiêm | Hộp/ Liều | 500 | 178,500 | 89,250,000 | 400 | 71,400,000 | 100 | 17,850,000 |
| **Tổng cộng 06 mặt hàng** | | | | | | | | | | **1,879,268,600** | | **728,467,300** | | **1,150,801,300** |